

Ảnh Hòa Tấn



Sở hữu trí tuệ và phát triển

Những trục trặc và gợi ý chính sách

TS. NGUYỄN TRỌNG HOÀI

Trong giai đoạn toàn cầu hoá, Việt Nam đang trong tiến trình gia nhập WTO, xu hướng FDI đang giảm sút so với các nước trong khu vực, nhu cầu nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước thì việc tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước lại càng đặc biệt quan trọng. Hệ thống luật pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần phải được thể hiện rõ ràng trong các Bộ luật dân sự, Luật thương mại, Luật khoa học và công nghệ, và điều quan trọng nhất là nên cập nhật các luật này theo những qui định về quyền sở hữu trí tuệ của WTO.

Bất kỳ một tài sản nào của nhân loại cũng cần được xác lập sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu. Tài sản trí tuệ lại là một trong những nguồn lực quan trọng bên cạnh các nguồn lực khan hiếm khác như đất đai, vốn và con người. Do vậy việc xác lập nghiêm túc việc sở hữu và bảo vệ quyền sở hữu tài sản trí tuệ đóng góp rất lớn cho

quá trình tăng trưởng và phát triển. Việt Nam tuy đã có quá nhiều nỗ lực trong quá trình khẳng định và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhưng cũng như hầu hết các quốc gia đang phát triển khác trong giai đoạn hội nhập, quá trình này cũng còn nhiều trục trặc cần được các nhà làm chính sách (policy makers) xem xét thận trọng.

Sở hữu trí tuệ và phát triển

Tài sản trí tuệ đóng góp rất lớn cho sự thay đổi công nghệ. Sự thay đổi công nghệ đến lượt nó lại tạo động lực tăng năng suất lao động và thu nhập cho nhân loại, điều này sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp và nền kinh tế tăng trưởng và phát triển bền vững. Nhà kinh tế chính trị nổi tiếng trên thế giới như Marx luôn coi trọng tài sản trí tuệ của con người, không có nó thì quá trình tích lũy tư bản sẽ chỉ là một phép cộng thông thường và không thể thay đổi chất lượng của quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất. Solow (1956), một nhà kinh tế học thuộc trường phái tân cổ điển cũng cho rằng tài sản trí tuệ sẽ góp phần làm thay đổi công nghệ, tuy nhiên ông lại cho rằng công nghệ chỉ là một yếu tố ngoại sinh (exogenous factor). Sau này Lucas (1986),

Romer (1986) và những nhà kinh tế học theo trường phái tăng trưởng mới khẳng định tài sản trí tuệ sẽ làm thay đổi chất lượng công nghệ, nhưng công nghệ ở đây được nhìn nhận là một yếu tố nội sinh (endogeneous factor) quan trọng hơn cả vốn và lao động, và tài sản trí tuệ luôn được tăng cường và tích lũy trong quá trình nghiên cứu và phát triển (R&D) của nhân loại.

Tài sản trí tuệ nảy sinh từ thực tế cuộc sống và không ngừng phát triển. Trong thời đại hiện nay, khi quá trình toàn cầu hoá diễn ra ngày càng nhanh chóng, thêm vào đó là các nước trong từng khu vực đều thừa nhận quá trình hội nhập là một tất yếu thì nhu cầu đối mới công nghệ của các doanh nghiệp càng trở nên khẩn thiết hơn do phải đương đầu với trình độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Tài sản trí tuệ do các doanh nghiệp tạo ra ngày càng trở nên đa dạng hơn, nhiều hơn và với tốc độ nhanh hơn. Điều này được thể hiện trong quá trình phát triển liên tục của sản phẩm mới, kiểu dáng mới, nhãn hiệu hàng hoá mới, giải pháp công nghệ mới. Quá trình ra đời của các loại tài sản trí tuệ này được các doanh nghiệp trả giá bằng sự linh hoạt trong tư duy sáng tạo, mồ hôi và nước mắt, rủi ro thất bại thương trường và những đồng vốn mạo hiểm khan hiếm. Quá trình đi đến thành công của các doanh nghiệp về những tài sản trí tuệ là một quá trình rất cam go, đó là một quá trình mà các doanh nghiệp chân chính phải vừa học vừa làm (learning by doing) trên thương trường.

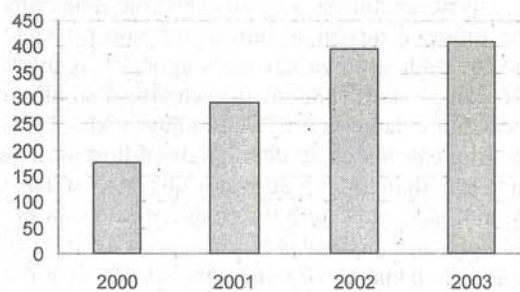
Trục trặc do sử dụng tài sản trí tuệ trái phép (free rider problem)

Tài sản trí tuệ của con người không ngừng phát triển mặc dù con đường mà con người tạo ra những loại tài sản như vậy không phải lúc nào cũng trôi chảy. Một trong những trục trặc lớn nhất của các tài sản trí tuệ là tình trạng vô tổ chức trong sở hữu những loại tài sản này. Sự trục trặc này càng trở nên nghiêm trọng trong những nền kinh tế đang phát triển, nơi mà luật pháp đang còn non kém, thông tin không hoàn hảo, quyền sở hữu chưa có cơ hội được xác định rõ ràng. Với những đặc điểm nhạy cảm như vậy thì việc sở hữu các tài sản trí tuệ thường xuyên bị rủi ro vì dễ bị xâm phạm hoặc bị phá rối bởi sự sử dụng trái phép của người khác. Vấn đề này được gọi là lạm dụng sở hữu tài sản trí tuệ của người khác mà chẳng tốn chút công sức nào cả (free rider problem). Theo tự điển của sở hữu trí tuệ vi phạm sở hữu tài sản trí tuệ "là việc xâm phạm việc độc quyền sở hữu trí tuệ. Đó là các loại vi phạm giải pháp hữu ích liên quan đến việc chế tạo, sử dụng hoặc bán sản phẩm hoặc phương pháp đã được cấp bằng mà không được phép. Ngoài ra vi phạm thiết kế kiểu dáng liên quan đến việc xây dựng một thiết kế hoàn toàn giống thiết kế hiện có, nếu sự giống nhau có ý định là buộc người xem mua một hàng hoá mà họ cho rằng nó là hàng hoá khác. Vi phạm thương hiệu bao gồm việc sử dụng chưa được phép hoặc bất chước một nhãn hiệu của một người khác để nói dối, gây nhầm lẫn, hoặc đánh lừa người khác".

Nguy cơ lớn nhất ở đây là thành quả trí tuệ của các doanh nghiệp hoặc cá nhân có thể bị đánh mất trong

phút chốc vì sự thừa hưởng trái phép của những người khác. Theo tổng kết của Bộ khoa học và công nghệ thì tính đến nay chỉ mới có khoảng 12.000 sản phẩm đăng ký sở hữu nhãn hiệu trong hàng trăm nghìn các loại sản phẩm sử dụng chiêu thức nhái kiểu (copy-cat) theo những sản phẩm của người khác. Chỉ tính riêng năm 2003 Bộ đã chính thức xử lý hơn 200 vụ làm hàng giả, còn những vụ vi phạm được Bộ phận quản lý thị trường xử lý thì lên trên con số hơn 5.000 trường hợp, riêng trong sáu tháng đầu năm nay đã có hơn 1.000 trường hợp và dự báo sẽ còn tăng lên nhiều hơn nữa mặc dù chính phủ đã có rất nhiều nỗ lực trong lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Chỉ cần lướt qua thị trường, các ví dụ gần đây như kẹo dừa Bến Tre bị Trung Quốc làm giả, nước mắm Phan Thiết (hoặc Phú Quốc) bị các nhà kinh doanh Thái Lan nhái kiểu, cà phê Trung Nguyên bị nhái nhãn hiệu ở nước ngoài; trong nước thì trường hợp nước khoáng Lavie, quần áo của Công ty may Việt Tiến, thức ăn gia súc "con heo vàng", giày thể thao Nike, máy photocopy Ricoh, nón bảo hiểm công ty Amoro, open tour-Sinh café cũng bị nhái kiểu và rất nhiều những trường hợp đại loại như vậy. Hình 1 cho chúng ta thấy số vụ vi phạm sở hữu công nghiệp (SHCN) tăng liên tục qua các năm, có nghĩa là thành quả trí tuệ của các doanh nghiệp bị các đối tượng khác sử dụng mà không có một sự trả giá nào cả.

Hình 1: Số vụ khiếu nại vi phạm SHCN



Nguồn: Cục sở hữu trí tuệ

Trục trặc do thông tin bất cân xứng (Asymmetric information)

Thông tin bất cân xứng là một thuật ngữ của thị trường bảo hiểm. Đó là một trong những trường hợp người bán có nhiều thông tin hơn người mua. Khi trường hợp này xảy ra thì hàng "thật" và hàng "copy-cat" (có thể do bất chước kiểu dáng hoặc nhãn hiệu) đều khó phân biệt bởi người mua. Hệ quả là người mua chỉ sẵn lòng trả giá thấp cho tất cả hàng "thật" và hàng "copy-cat". Điều này làm cho các doanh nghiệp sản xuất hàng "thật" bị phá sản vì chi phí sản xuất của họ cao hơn hàng "copy-cat". Hiện nay chỉ mới 10% doanh nghiệp trong nước đăng ký sở hữu trí tuệ dưới các hình thức kiểu dáng, nhãn hiệu và bản quyền các loại. Hầu hết các doanh nghiệp đều rất lúng túng trong việc đăng

ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cho những thành quả của mình đạt được trên thị trường. Thậm chí khi doanh nghiệp đã đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ cũng phản ứng yếu ớt khi bị người khác đánh cắp tài sản trí tuệ vì họ sợ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh trong thị trường. Có nghĩa là khi bị đối thủ cạnh tranh “copy-cat” thì tốt nhất những doanh nghiệp sản xuất hàng “thật” giữ im lặng còn hơn để khách hàng của mình không yên tâm vì bản thân khách hàng không có đủ thông tin để phân biệt giữa hàng “thật” và hàng “copy-cat”. Do hiện tượng thông tin bất cân xứng giữa người mua và người bán trong một thị trường vừa lẫn lộn hàng tốt và hàng xấu, người mua vì không có đủ thông tin nên dễ dàng chấp nhận giá rẻ và từ đó hàng tốt không còn chỗ đứng trong thị trường hiện hành. Trục trặc về thông tin mất cân xứng như vậy đã làm cho các doanh nghiệp từ chỗ có tài sản trí tuệ sang chỗ mất trắng.

Trục trặc về quan điểm sở hữu trí tuệ

Hiệp định TRIPS là hiệp định về sở hữu trí tuệ có liên quan đến thương mại đã được ký kết từ ngày 1.1.1995 và sau đó hội nghị bộ trưởng lần thứ 4 của WTO tổ chức tại Doha, Qatar vào tháng 11.2001 là một thành công lớn của WTO với những quan điểm chủ yếu về sở hữu trí tuệ. Tất cả các nước phát triển đều thống nhất phải thắt chặt quyền sở hữu trí tuệ và nhân nhượng cho các nước đang phát triển có thời gian nhất định để thực hiện các tiêu chuẩn tối thiểu về quyền sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, thành công này chưa thể thống nhất các quan điểm về quyền sở hữu trí tuệ vốn rất khác biệt giữa các nước giàu và các nước nghèo. Các nước phát triển yêu cầu thắt chặt các tiêu chuẩn về sở hữu trí tuệ tại các nước đang phát triển để khuyến khích việc các nhà sáng chế hoặc các doanh nghiệp làm giàu các tài sản trí tuệ nhân loại và được độc quyền khai thác trong một thời gian nhất định thành quả trí tuệ của họ. Tuy nhiên cho đến nay các nước đang phát triển lại có một khoảng cách khá xa về công nghệ so với các nước phát triển do đó họ yêu cầu cần phải hạn chế tối thiểu về sự giới hạn các tài sản trí tuệ nếu không thì khoảng cách tụt hậu công nghệ tại các nước này ngày càng tăng. Cộng thêm vào quan điểm nói trên thì các nước đang phát triển đang đứng trước một hệ thống luật pháp yếu kém nên việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trở nên lỏng lẻo và tạo điều kiện cho việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ trở nên dễ dàng hơn.

Trục trặc về quan điểm sở hữu trí tuệ nói trên được thể hiện trên các lĩnh vực như y tế, giáo dục – nghiên cứu. Trong lĩnh vực y tế, nổi bật nhất là các mặt hàng dược phẩm. Các nước đang phát triển mặc dù cũng cam kết bảo vệ quyền sáng chế cho các công ty dược phẩm bằng luật, các nước này vẫn không thể thực hiện luật một cách nghiêm chỉnh. Vì nếu làm như vậy thì các nước đang phát triển sẽ không có cơ hội tiếp cận với các loại dược phẩm cần thiết để bảo vệ cho sức khỏe dân chúng. Ngoài ra việc sản xuất thuốc theo kiểu copy bản quyền cũng tạo ra một sức ép đối với các công ty dược

phẩm trên thế giới đang giữ vai trò độc quyền và thu lợi nhuận siêu ngạch từ việc tiêu thụ dược phẩm (Brazil là một trường hợp tiêu biểu và ít nhiều được hội đồng WTO ủng hộ). Trong lĩnh vực giáo dục thì các kết quả nghiên cứu một mặt yêu cầu được giữ bản quyền nhưng một mặt khác cũng được yêu cầu triển khai rộng rãi (ví dụ qua Internet) để tạo điều kiện cho các nước nghèo tiếp cận với tri thức nhân loại. Việc tiếp cận như vậy có lợi cho các nước nghèo nhưng lại không có lợi cho các nước giàu trong việc khuyến khích nghiên cứu phát triển tài sản trí tuệ nhân loại. Hệ quả là các nước giàu là mặc dù hỗ trợ triển khai việc tăng cường khả năng tiếp cận tri thức cho các nước nghèo, nhưng một mặt các nước giàu vẫn sử dụng các kỹ thuật mã hoá để làm chậm đi quá trình tiếp cận với tài sản trí tuệ của các nước nghèo.

Trục trặc khung pháp lý về sở hữu trí tuệ

Khung pháp lý về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của Việt Nam tương đối đầy đủ vì nó được thể hiện trên cả ba mặt là dân sự, hành chính và hình sự. Ngoài ra quan điểm của khung pháp lý của Việt Nam về lĩnh vực này hướng đến quá trình hội nhập và đảm bảo các tiêu chuẩn qui định tối thiểu của WTO. Tuy nhiên các văn bản dưới luật tại Việt Nam chưa có đầy đủ những hướng dẫn cụ thể nhằm tăng cường quá trình thực thi quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ. Cụ thể là chưa có một qui định cụ thể trong thủ tục tố tụng dân sự liên quan đến sở hữu trí tuệ, việc thu thập chứng cứ về vi phạm sở hữu trí tuệ cũng rất nhiều khó khăn và thiếu hẳn một đội ngũ chuyên nghiệp trong bộ máy hành pháp về sở hữu trí tuệ, ngoài ra ranh giới vi phạm sở hữu trí tuệ giữa mức độ dân sự và hình sự vẫn còn nhập nhằng do đó đa số các vụ vi phạm sở hữu trí tuệ đều dừng lại mức độ xử phạt hành chính. Trung bình trong năm 2003, việc xử phạt hành chính lên trên 3.000 vụ, còn xử phạt về vi phạm sở hữu trí tuệ ở mức hình sự trên 100 trường hợp, còn xét xử tại toà dân sự thì rất ít vì chỉ khoảng trên dưới 10 vụ. Xử phạt hành chính sẽ không có tác dụng đủ mạnh để làm giảm tình trạng vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Bảng chứng ở Bảng 1 cho thấy rằng một trong những vi phạm quyền sở hữu trí tuệ dễ dàng nhất là việc bắt chước kiểu dáng và “copy-cat” nhãn hiệu. Việc xử phạt hành chính rõ ràng có không tác dụng nhiều khi đa số suy nghĩ các doanh nghiệp cho rằng bắt chước kiểu dáng và nhãn hiệu chỉ là một vấn đề nhỏ hoặc đôi khi họ cho rằng đây là vấn đề tất yếu của các nước đang phát triển. Cũng chính từ suy nghĩ như vậy cho nên càng tạo ra một khoảng cách khá xa giữa mức độ vi phạm hành chính và mức độ vi phạm hình sự về quyền sở hữu trí tuệ, điều này càng tạo điều kiện cho việc sản xuất hàng giả và hiện tượng này đang là hiện tượng khá phổ biến tại Việt Nam.

Trục trặc sở hữu trí tuệ và thu hút đầu tư

Ngoài việc cung cấp vốn và lao động có kỹ năng thì đầu tư trực tiếp nước ngoài là một kênh chủ yếu trong

quá trình chuyển giao công nghệ và đưa các thành quả trí tuệ từ các nước phát triển đến các nước đang phát triển. Bên cạnh các yếu tố thuộc cơ sở hạ tầng mềm (soft infrastructure) như hệ thống thuế, hệ thống luật, hệ thống tài chính thì các luật và các chính sách liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ cũng quyết định đến hành vi đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài. Nói cách khác nhà đầu tư nước ngoài luôn kỳ vọng thành quả trí tuệ của họ được bảo đảm trong quá trình kinh doanh tại nước chủ nhà. Chủ đề vi phạm sở hữu trí tuệ khá phổ biến tại Việt Nam về nhãn hiệu, kiểu dáng thương mại không những là thách thức lớn trên con đường hội nhập WTO mà còn là một rào cản khi thu hút các nhà đầu tư nước ngoài. Theo ông Paul A. Norris luật sư của Baker & McKenzie có những chứng cứ của họ cho rằng nhiều khách hàng của họ có quan tâm đến Việt Nam nhưng lại ngại vấn đề bảo hộ và xử lý quyền sở hữu trí tuệ tại Việt Nam. Hệ quả là những nhà đầu tư này thay vì đến Việt Nam họ đã tìm đến Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia. Ngoài ra, theo Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (2003) về số liệu điều tra 100 tổ chức nghiên cứu và phát triển, tổ chức dịch vụ khoa học, doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức này đã đánh giá mức độ lo ngại về quyền tài sản trí tuệ không được bảo vệ là 3,5 (5 được cho là mức độ lo ngại nhất). Sự lo ngại này sẽ hạn chế niềm tin của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Bảng 1: Xâm phạm sở hữu công nghiệp

Đối tượng bảo hộ	1998	1999	2001	2002
Sáng chế			2	9
Kiểu dáng	20	41	93	108
Nhãn hiệu	219	110	198	282
Tổng số	239	151	293	399

Nguồn: Cục sở hữu trí tuệ

Sự cần thiết về củng cố việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ

Trong bối cảnh hội nhập các nước đang phát triển cần khẳng định mạnh mẽ hơn nữa và xác lập rõ ràng hơn nữa quyền sở hữu trí tuệ vì hai lý do. Lý do trước nhất là quá trình hội nhập nếu muốn thu hút công nghệ từ nước ngoài thông qua con đường đầu tư và chuyển giao thì tất yếu phải bảo vệ quyền lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài, nếu không họ sẽ tìm đến nước đang phát triển khác có những tiêu chuẩn bảo vệ quyền sở hữu nghiêm ngặt hơn. Lý do thứ hai xuất phát từ các doanh nghiệp trong nước, việc đầu tư cho R&D là hết sức cần thiết trong quá trình cạnh tranh toàn cầu. Hiện nay tổng đầu tư của doanh nghiệp trong nước tại Việt Nam chỉ chiếm khoảng 20% trong tổng đầu tư cho R&D của cả nước, trong khi đó chỉ tiêu này tại Nhật Bản đã đạt 81% vào năm 1989, tại Đức đạt 66% vào năm 1990. Ngoài ra đầu tư cho R&D tại Việt Nam chỉ mới thực hiện tại các công ty lớn và trung bình chỉ chiếm 0,2% doanh thu,

trong khi đó các nước phát triển con số này là từ 5 – 10 %. Với bối cảnh như vậy thì nếu tiếp tục duy trì những quy định bảo hộ sở hữu trí tuệ lỏng lẻo thì chính chúng ta sẽ làm yếu đi nhiệt tình đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trong nước, và điều này càng không thể được khi mà trình độ cạnh tranh càng trở nên gay gắt đối với doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế thế giới.

Một số gợi ý chính sách

Nguyên tắc gợi ý chính sách cho việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở đây đơn giản là hãy tích cực tháo gỡ những trục trặc đã nêu. Để khắc phục trục trặc về việc sở hữu tài sản trí tuệ trái phép thì ngoài việc tuyên truyền dân chúng “tẩy chay” các sản phẩm “copy-cat” mà còn tạo ra một cơ chế xử phạt bằng kinh tế sao cho lợi ích từ việc đánh cắp sở hữu phải luôn thấp hơn chi phí xử phạt từ các cơ quan hữu trách đối với những tổ chức hoặc cá nhân vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, có nghĩa là không nên xử lý việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp hành chính như hiện nay. Trục trặc về vấn đề thông tin bất cân xứng nên được giải quyết bằng cách tạo ra những kênh thông tin đại chúng nhằm “phát tín hiệu” (signaling) một cách hiệu quả cho những khiếu nại của người tiêu dùng và các doanh nghiệp chân chính có tài sản trí tuệ cần bảo vệ. Quan điểm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần phải được xác lập lại một cách nghiêm túc hơn nữa trong các nước đang phát triển và đặc biệt là Việt Nam. Trong giai đoạn toàn cầu hoá, Việt Nam đang trong tiến trình gia nhập WTO, xu hướng FDI đang giảm sút so với các nước trong khu vực, nhu cầu nâng cao sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp trong nước thì việc tăng cường bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước lại càng đặc biệt quan trọng. Hệ thống luật pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ cần phải được thể hiện rõ ràng trong các Bộ luật dân sự, Luật thương mại, Luật khoa học và công nghệ, và điều quan trọng nhất là nên cập nhật các luật này theo những qui định về quyền sở hữu trí tuệ của WTO. Một bước dài hạn nên chủ động soạn thảo Luật tài sản trí tuệ. Khi mà hệ thống luật trở nên chuẩn mực, bộ máy hành pháp trở nên chuyên nghiệp trong lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thì niềm tin về việc bảo vệ sở hữu trí tuệ sẽ tăng lên và việc thu hút đầu tư nước ngoài cũng như khuyến khích thay đổi công nghệ của các doanh nghiệp trong nước sẽ được cải thiện ■

Tài liệu tham khảo

Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương (2004), Kinh tế Việt Nam 2003 (sách tham khảo), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia. Freeman & Soete (1997), Công nghệ và tăng trưởng kinh tế, MIT Press, tái bản lần 3. The Economist (2002), Rắc rối trong vấn đề sở hữu trí tuệ, bản dịch của chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright. <http://usinfo.state.gov/products/pubs/intelprp/glossary.htm>, trang web tự diễn số hữu trí tuệ. Nguyễn Xuân Thành & Lê Hồng Nhật (2002), Thông tin bất cân xứng trong thị trường tài chính, bài giảng môn Development Finance của chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright.